TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hiến
2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Thôn Ninh Điền, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Nh, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Thôn Ninh Điền, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và ông Trần Văn Nh tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng đến năm 1992 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Hòa (nay là phường Ninh Hiệp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 05/12/1992. Quá trình chung sống ông bà có với nhau 04 con chung tên: Trần Quốc M1, sinh ngày 12/3/1991; Trần Quốc M2, sinh ngày 12/12/1993; Trần Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 07/8/2000 và Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002.

Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông Nh thường xuyên không ở nhà, thỉnh thoảng về nhà thì kiếm chuyện gây sự rồi dùng những lời lẽ thô tục

mắng chửi vợ con, những lần như thế bà phải qua nhà bà ngoại gần đó để tránh. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông Nh vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Các con chung tên Trần Quốc M1, Trần Quốc M2, Trần Nguyễn Huỳnh A, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Nh.

Bị đơn ông Trần Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai tại Tòa án, ông Nh trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng đến năm 1992 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Hòa (nay là phường Ninh Hiệp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 05/12/1992. Quá trình chung sống ông bà có với nhau 04 con chung tên: Trần Quốc M1, sinh ngày 12/3/1991; Trần Quốc M2, sinh ngày 12/12/1993; Trần Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 07/8/2000 và Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002.

Ông thừa nhận cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra kình cãi. Ông thừa nhận mình không còn tình cảm với bà X nhưng vẫn muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn, ông tự nguyện giao con chung Trần Nguyễn Thanh Hào, sinh ngày 12/9/2002 cho bà X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà X.

Cháu Trần Nguyễn Thanh H có nguyện vọng xin ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Nh; về con chung: Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Nh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn

của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X; về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Nh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn Nh đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn Nh.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Văn Nh hiện cư trú tại: Thôn Ninh Điền, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ninh Hòa (nay là phường Ninh Hiệp) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 05/12/1992 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn Nh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông Nh không hạnh phúc do ông Nh thường xuyên không ở nhà, thỉnh thoảng về nhà thì kiếm chuyện gây sự rồi dùng những lời lẽ thô tục mắng chửi vợ con, những lần như thế bà X phải qua nhà bà ngoại gần đó để tránh. Mặc dù bà X đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông Nh vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nh.

Tại bản tự khai, ông Nh thừa nhận cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra kình cãi. Ông thừa nhận mình không còn tình cảm với bà X nhưng vẫn muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Việc ông Nh không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho bà X. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà X và ông Nh không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của bà X, ông Nh thì ông bà có 04 con chung tên: Trần Quốc M1, sinh ngày 12/3/1991; Trần Quốc M2, sinh ngày 12/12/1993; Trần Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 07/8/2000

và Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002. Các con chung Trần Quốc M1, Trần Quốc M2, Trần Nguyễn Huỳnh A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà X tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nh đồng ý giao cháu H cho bà X nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết ly hôn, cháu H cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu H cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X, ông Nh không yêu cầu giải quyết tài sản chung, và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Văn Nh.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/9/2002 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ông Trần Văn Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008567 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa;
GCNKH số: 106 ngày 05/12/1992;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh